

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp quyền nuôi
con và cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

Ông Kim Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số 238, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Hà Hữu T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Đơn vị công tác: Phòng A, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: Số 28 Đường B, khóm C, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2020 và lời trình bày của bà Trần Ngọc H trong quá trình giải quyết vụ án: Vào năm 2005 bà và ông Hà Hữu T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01. Sau khi kết hôn thì

cuộc sống vợ chồng của ông bà tương đối hạnh phúc nhưng sau đó đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng bắt đầu từ năm 2018 đến nay, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng ý kiến, ông T không lo cho gia đình, không quan tâm vợ con, thường xuyên cãi nhau, nhiều lần hằn gấn nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông T có 02 con chung tên Hà Trần Mỹ T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008 và Hà Trần Mỹ N, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010 hiện tại đang sống chung với bà H, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hai con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Hữu T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, còn bị đơn thì vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

2. Về nội dung vụ án: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố P đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; về quan hệ hôn nhân bà H và ông T có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, mâu thuẫn giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H. Đối với ông T mặc dù đã được Tòa án triệu tập để hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nhưng lại vắng mặt cho thấy ông không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ vợ chồng; về con chung bà H yêu cầu được nuôi dưỡng và yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hai con tròn 18 tuổi, xét đây là yêu cầu chính đáng nên đề nghị Tòa án chấp nhận; về tài sản chung, nợ chung bà H khai không có tài sản chung, không có nợ ai, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; về án phí buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; buộc ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhân định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Hữu T và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Hà Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hà Hữu T.

[2] Nội dung yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc H và ông Hà Hữu T tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01, bà H và ông T đã xác lập quan hệ hôn nhân theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Qua đơn khởi kiện, lời trình bày của bà H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy trong quá trình chung sống giữa H và ông T đã xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 cho đến năm 2017 mâu thuẫn càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay bà H kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn với ông T, còn ông T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải để hàn gắn gia đình nhưng ông T vắng mặt cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn gia đình.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Ngọc H và ông Hà Hữu T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận và phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Trần Ngọc H và ông Hà Hữu T có 02 con chung tên Hà Trần Mỹ T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008 và Hà Trần Mỹ N, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010 hiện tại đang sống chung với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T có nhận văn bản của Tòa án nhưng vắng mặt và không có lời trình bày. Xét thấy cháu Hà Trần Mỹ T, cháu Hà Trần Mỹ N, hiện tại đang sống với mẹ là bà Trần Ngọc H và hai cháu T, N có nguyện vọng sống với bà H nên chấp nhận yêu cầu của bà H giao con chung tên Hà Trần Mỹ T và Hà Trần Mỹ N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Ngọc H yêu cầu ông Hà Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Hà Trần Mỹ T và Hà Trần Mỹ N mỗi cháu, mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi hai con tròn 18 tuổi. Xét việc cấp dưỡng nuôi con khi cha mẹ ly hôn phải căn cứ vào chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của con và khả năng của mỗi bên. Bà H yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng, ông T nhận được thông báo thụ lý của Tòa án không có ý kiến và mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với chi phí tối thiểu với việc nuôi con chung nên có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Trần Ngọc H khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Ngọc H khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Trần Ngọc H và ông Hà Hữu T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H

1. Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc H được ly hôn với ông Hà Hữu T.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Hà Trần Mỹ T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008 và Hà Trần Mỹ N, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010 cho bà Trần Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con chung cháu T, cháu N được sống với mẹ là bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con ông Hà Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Hà Trần Mỹ T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008 và Hà Trần Mỹ N, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010 mỗi cháu, mỗi tháng là 1.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu Hà Trần Mỹ T và Hà Trần Mỹ N tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Ngọc H khai không có không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Ngọc H khai không có nợ chung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Trần Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Ngọc H đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0009306, ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P nên bà Trần Ngọc H không phải nộp tiếp.

Ông Hà Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.P;
- Chi cục THADS TP. P;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký
Phan Thị Bích Lộc**